

Bản án số: 03/2021/DS-PT

Ngày: 06-01-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán:

Ông Lâm Bách

Bà Trần Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Anh Khoa - Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Ông Ngô Văn Nghị - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐ-PT ngày 23/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

2. Các Bị đơn:

- Ông Nguyễn C, sinh năm 1961;

- Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Khu phố N, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

3. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị Bích N là các Bị đơn trong vụ án;

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:

Ngày 04/12/2018, anh T cho vợ chồng ông Nguyễn C bà Nguyễn Thị Bích N vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng, thời điểm trả tiền vay là ngày 04/4/2019. Việc vay nợ có lập thành Giấy vay tiền, ông C và bà N đều ký tên. Tiền lãi vay không thể hiện trong Giấy vay tiền nhưng anh và vợ chồng ông C bà N thỏa thuận miệng là 6%/tháng. Ông đã giao đủ 500.000.000 đồng cho vợ chồng ông C bà N. Tuy nhiên đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông C bà N không trả tiền gốc và lãi.

Ngày 02/5/2019, anh T cho ông C vay 50.000.000 đồng nhưng không thỏa thuận thời hạn vay và thời điểm trả tiền vay. Việc vay nợ có lập thành Giấy vay tiền. Tiền lãi vay không thể hiện trong Giấy vay tiền nhưng anh và ông C bà thỏa thuận miệng là 6%/tháng. Ông đã giao đủ 50.000.000 đồng cho ông C. Tuy nhiên đến nay ông C cũng không trả tiền gốc và lãi.

Ngày 13/9/2019, vợ chồng ông C bà N có trả cho anh và bà Nguyễn Thị B là mẹ của anh mỗi người 25.000.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, trong ngày 04/12/2018 anh cho vợ chồng ông Nguyễn C bà Nguyễn Thị Bích N vay 200.000.000 đồng, nhưng thỏa thuận thời hạn vay và thời điểm trả tiền vay. Việc vay nợ có lập thành Giấy vay tiền nhưng chỉ có anh và ông C ký tên, bà N có mặt nhưng không ký tên. Tiền lãi vay không thể hiện trong Giấy vay tiền nhưng anh và vợ chồng ông C bà N thỏa thuận miệng là 6%/tháng. Ông đã giao đủ 200.000.000 đồng cho vợ chồng ông C bà N. Tuy nhiên đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông C bà N không trả tiền gốc và lãi.

Ngày 02/5/2019, anh cho vợ chồng ông Nguyễn C bà Nguyễn Thị Bích N vay 120.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn vay và thời điểm trả tiền vay. Việc vay nợ có lập thành Giấy vay tiền, ông C và bà N đều ký tên. Tiền lãi vay không thể hiện trong Giấy vay tiền nhưng anh và vợ chồng ông C bà N thỏa thuận miệng là 6%/tháng. Ông đã giao đủ 500.000.000 đồng cho vợ chồng ông C bà N. Tuy nhiên đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông C bà N không trả tiền gốc và lãi.

Tại Đơn khởi kiện, anh yêu cầu vợ chồng ông C bà N phải trả tổng cộng 870.000.000 đồng nợ gốc và phải chịu lãi suất 1,5% của số tiền vay cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Anh đồng ý trừ 25.000.000 đồng số tiền lãi mà vợ

chồng ông C bà N đã trả vào ngày 13/9/2019. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu vợ chồng ông C bà N phải trả 200.000.000 đồng tiền vay ngày 04/12/2018 và 120.000.000 đồng tiền vay ngày 02/4/2029. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C bà N phải trả 500.000.000 đồng tiền vay ngày 04/12/2018 và phải chịu lãi suất 1,5%/tháng cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Yêu cầu ông C phải trả 50.000.000 đồng tiền vay ngày 02/5/2019 và phải chịu lãi suất 1,5%/tháng cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Anh T đồng ý trừ 25.000.000 đồng tiền lãi mà vợ chồng ông C bà N đã trả vào ngày 13/9/2019.

Bị đơn ông Nguyễn C trình bày:

Khoảng năm 2017 - 2018, vợ chồng ông bà nhiều lần vay tiền của anh Nguyễn Quốc T và vay tiền của bà Nguyễn Thị B là mẹ ruột của anh T, mỗi lần vay khoảng từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng đều không làm thành văn bản, giấy tờ. Sau đó bà B cộng tổng số tiền vay và tính lãi vào năm 2016 là 350.000.000 đồng. Một thời gian đầu, vợ chồng ông bà đã phải trả lãi cho bà B, anh T là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nhưng sau đó do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng ông bà không trả tiền lãi được nữa.

Ông thừa nhận chữ ký tại Giấy vay tiền ngày 04/12/2018 với số tiền vay 500.000.000 đồng là của vợ chồng ông bà nhưng do bà B ép buộc phải ký tên vì vợ chồng ông bà không trả được số tiền nợ. Trong số 500.000.000 đồng này chỉ có 350.000.000 đồng là tiền nợ gốc, còn lại 150.000.000 đồng là bà B tính lãi và buộc vợ chồng ông bà phải ký nhận nợ.

Đối với 50.000.000 đồng tiền vay ngày 02/5/2019 cũng là tiền lãi của số nợ 350.000.000 đồng, do không trả được nợ nên bà B buộc ông phải ký nhận nợ.

Ngoài ra, số nợ 200.000.000 đồng ngày 02/4/2018 cũng là tiền lãi của số nợ 350.000.000 đồng, do không trả được nợ nên bà B buộc vợ ông phải ký nhận nợ. Đối với số nợ 120.000.000 đồng ngày 02/4/2019 thì vợ chồng ông hoàn toàn không biết và cũng không nhận 120.000.000 đồng này từ bà B, ông Tuấn.

Ông xác định trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2019, vợ chồng ông có sức khỏe bình thường, không bị hạn chế năng lực hành vi, không bị tâm thần. Việc vợ chồng ông phải ký các giấy nhận nợ là do bà B ép ký để hoãn nợ. Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc T mà chỉ đồng ý trả 350.000.000 đồng tiền nợ gốc, ngoài ra vợ chồng ông đồng ý trả thêm bất kỳ khoản tiền nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N đồng ý với toàn bộ nội dung trình bày của ông Nguyễn C và không có ý kiến bổ sung.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

- Áp dụng: Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc T buộc vợ chồng bị đơn ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị Bích N trả hai khoản tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, 50.000.000 đồng và tiền lãi.

- Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với các khoản tiền vay 200.000.000 đồng ngày 04/12/2018 và 120.000.000 đồng ngày 02/4/2019. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn C bà Nguyễn Thị Bích N có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Quốc T số tiền 500.000.000 đồng nợ gốc và 117.500.000 đồng tiền nợ lãi.

Buộc ông Nguyễn C phải trả cho anh Nguyễn Quốc T số tiền 50.000.000 đồng nợ gốc và 10.500.000 đồng tiền nợ lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất chậm trả và quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/8/2020 ông Nguyễn C bà Nguyễn Thị Bích N kháng cáo toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham dự phiên tòa cho rằng Tòa án cấp phúc thẩm chấp hành đúng pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thị Bích N kháng cáo nhưng vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần yêu cầu kháng cáo của bà N. Ông Nguyễn C

kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh; ông C thừa nhận giấy vay tiền Tòa án cấp sơ thẩm dùng làm căn cứ giải quyết vụ án nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông C; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các bị đơn ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị Bích N kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn quy định tại các Điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo của ông C, bà N được Tòa án phúc thẩm xem xét, giải quyết.

[1.2] Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích N vì bà N vắng mặt lần thứ hai, không có lý do chính đáng, đã được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ.

[1.3] Ông Nguyễn C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh Nguyễn Quốc T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn C

[2.1] Tại phiên tòa, các đương sự không tranh luận.

[2.2] Ông Nguyễn C thừa nhận giấy vay tiền ngày 04/12/2018, ông C và vợ là bà Nguyễn Thị Bích N ký xác nhận có vay 500.000.000đ của anh Nguyễn Quốc T, thời hạn vay 04 tháng. Bên cho vay và bên vay đều thừa nhận vay có lãi nhưng không ghi mức lãi suất trong giấy vay tiền. Ông Nguyễn C cho rằng đã trả lãi cho anh Nguyễn Quốc T nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh; Anh T không thừa nhận lời khai của ông C. Tòa án phúc thẩm xét thấy giao dịch vay tiền giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, vay có lãi và có thời hạn. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1,5% tháng và tính lãi vay từ thời điểm 04/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/7/2020 thành tiền 142.500.000đ đồng thời xác định khoản vay này do ông C và bà N cùng xác lập với anh T nên buộc vợ chồng ông C, bà N cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi cho anh T là đúng. Anh Nguyễn Quốc T thừa nhận vợ chồng ông C, bà N đã trả 25.000.000đ tiền lãi của số tiền gốc 500.000.000đ nên số tiền lãi còn lại là 117.500.000đ.

[2.3] Ông Nguyễn C thừa nhận vay riêng của anh Nguyễn Quốc T 50.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 02/5/2019. Ông C cho rằng đã trả lãi đối

với số tiền này nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất 1,5% của số tiền gốc 50.000.000đ và buộc ông C thực hiện nghĩa vụ là đúng.

[2.4] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn C, chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.5] Bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như bản án sơ thẩm đã tuyên đồng thời mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Khoản 2 Điều 244, Điều 296 khoản 3, Điều 308 khoản 1 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Điều 357, 463, Điều 466 khoản 1, 5; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích N.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn C. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc T.

3.1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị Bích N phải có nghĩa vụ liên đới không phân chia phần trả cho anh Nguyễn Quốc T 500.000.000đ tiền gốc và 117.500.000đ tiền lãi.

3.2. Buộc ông Nguyễn C phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Quốc T 50.000.000đ tiền gốc và 10.500.000đ tiền lãi.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quốc T đối với các khoản vay 200.000.000 đồng ngày 04/12/2018 và 120.000.000 đồng ngày 02/4/2019. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Án phí

5.1. Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị Bích N phải liên đới không phân chia phần chịu 28.700.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn C phải chịu 3.025.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị Bích N mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021518 ngày 11/8/2020 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021616 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị Bích N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5.3. Ông Nguyễn Quốc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn trả 19.400.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021217 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 06/01/2021)./.

Nơi nhận:

- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Lâm Viên